

Bản án số: 53A/2023/HN-ST

Ngày: 10/4/2023

V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

2. Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Diệu H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn O, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2022, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Diệu H trình bày:

Chị H và anh Bùi Văn O cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 04 tháng 02 năm 2009. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu

thuần vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh O mê chơi, không có trách nhiệm chăm lo kinh tế trong gia đình và đôi bên đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Thời gian sống ly thân, chị H cho rằng đã suy nghĩ kỹ và thấy rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh O là không có khả năng hàn gắn. Vì vậy, chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị với các nội dung như sau:

+ Về hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh O.

+ Về con chung: Có 02 con chung Bùi Thị Tường M, sinh ngày 29/3/2010 và Bùi Thị Lin D, sinh ngày 30/4/2014. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Bùi Văn O đều vắng mặt và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến xin hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H.*

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh O đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh O là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận;

Về con chung: Căn cứ vào yêu cầu nuôi con chung của chị H khi ly hôn là tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Thị Tường M, sinh ngày 29/3/2010 và Bùi Thị Lin D, sinh ngày 30/4/2014 đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M và cháu Lin D tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 03/02/2023 - Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu nói trên của chị H.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không đề nghị xem xét, giải quyết;

Về nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục: Anh Bùi Văn O được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh O là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Diệu H và anh Bùi Văn O kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B tỉnh Bến Tre vào ngày 04/02/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh O là hợp pháp.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2022 đến nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do đôi bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh O không chăm lo đời sống gia đình. Thời gian sống ly thân hai bên không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm. Chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn do không muốn duy trì cuộc hôn nhân với anh O. Anh O biết được chị H xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn không gửi văn bản thể hiện ý kiến hàn gắn đến Tòa án. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh O là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh O là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của chị H về việc khi ly hôn chị H tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Thị Tường M, sinh ngày 29/3/2010 và Bùi Thị Lin D, sinh ngày 30/4/2014 đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M và cháu Lin D tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 03/02/2023, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Diệu H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Diệu H ly hôn với anh Bùi Văn O.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Diệu H tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Thị Tường M, sinh ngày 29/3/2010 và Bùi Thị Lin D, sinh ngày 30/4/2014 cho đến khi cháu M và cháu Lin D tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh O cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn O có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Tòa không xem xét giải quyết.
4. Về nợ chung: Dương sự khai không có nên Hội đồng không xem xét.
5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Diệu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008988 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, án phí chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Long